Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8542.90.00

Mã HS	8542.90.00
Mô tả hàng hóa	Mạch điện tử tích hợp / - Bộ phận
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 11:12:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85429000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15996
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15996
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15996
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15341
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15270
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15270
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15270
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15270
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15270
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15270
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15326
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15326
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15326
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15326
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15326
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15327
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15327
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15327
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15327
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15327
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15327
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15328
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15276
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15284
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15284
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15284
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15284
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15284
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15284
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15324
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15324
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15324
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15324
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15324
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15324
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15386
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15386
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15386

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15386
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15386
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15386
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15360
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15360
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15360
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15360
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15360
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15360
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15363
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15363
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15363
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15363
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15363
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15363
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15369
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15369
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15369
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15369
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15369
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15369
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15368
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15368
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15368
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15368
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15368
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15357
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15357
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15357
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15357
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15357
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15357
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15357
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15351
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15351
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15351
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15351
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15351
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15351
RCEP B	2022	2022	0	B!D15351
RCEP B	2023	2023	0	B!E15351
RCEP B	2024	2024	0	B!F15351
RCEP B	2025	2025	0	B!G15351
RCEP B	2026	2026	0	B!H15351
RCEP B	2027	2027	0	B!I15351
RCEP C	2022	2022	0	C!D15351
RCEP C	2023	2023	0	C!E15351
RCEP C	2024	2024	0	C!F15351
RCEP C	2025	2025	0	C!G15351
RCEP C	2026	2026	0	C!H15351
RCEP C	2027	2027	0	C!I15351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15350
RCEP D	2023	2023	0	D!E15350
RCEP D	2024	2024	0	D!F15350
RCEP D	2025	2025	0	D!G15350
RCEP D	2026	2026	0	D!H15350
RCEP D	2027	2027	0	D!I15350
RCEP E	2022	2022	0	E!D15354
RCEP E	2023	2023	0	E!E15354
RCEP E	2024	2024	0	E!F15354
RCEP E	2025	2025	0	E!G15354
RCEP E	2026	2026	0	E!H15354
RCEP E	2027	2027	0	E!I15354
RCEP F	2022	2022	0	F!D15351
RCEP F	2023	2023	0	F!E15351
RCEP F	2024	2024	0	F!F15351
RCEP F	2025	2025	0	F!G15351
RCEP F	2026	2026	0	F!H15351
RCEP F	2027	2027	0	F!I15351
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14317
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14317
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14317
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14317

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8542.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8542.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15996), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.